TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2018/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Quý.

2. Ông Trần Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 12/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 28/02/2018 đối với bị cáo:

Kiều Viết T; sinh ngày 20/8/1995 tại xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 16, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Viết V và con bà Trần Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 11/7/2016, bị Công an huyện H ra quyết định xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi cố ý gây thương tích; Về nhân thân: Ngày 25/02/2013 bị UBND huyện H ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 476/QĐ – UBND, nhưng sau đó được miễn thi hành. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 08/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh; Có mặt.

- Người bị hại:

+ Anh Nguyễn Xuân V; sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Bảo N; sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Tất C; sinh năm 1980; địa chỉ: xóm 2, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đình M; sinh năm 1995; địa chỉ: xóm 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

+ Anh Lê Khắc P; sinh năm: 1996; địa chỉ: xóm N, xã V, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Trần Thị M; sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố 16, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Anh Nguyễn Anh T; sinh năm 1998; địa chỉ: xóm M, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

+ Chị Phan Thị S; sinh năm 1992; địa chỉ: xóm T, xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 03/4/2017 và ngày 27/6/2017 Kiều Viết T, trú tại tổ dân phố 16, thị trấn H, tỉnh Hà Tĩnh đã hai lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 9 giờ ngày 03/4/2017 Kiều Viết T đi bộ từ nhà mình đến cửa hàng bán quần áo của anh Nguyễn Bảo N, sinh năm 1990 ở tổ dân phố 2, thị trấn H chơi. Sau khi ngồi chơi được một lúc thì T nói với N: "Cho em mượn xe đi công chuyện tý", N đồng ý rồi lấy xe mô tô nhãn hiệu DREAM II màu mận chín, biển kiểm soát 37F2-4029 của mình giao cho T. T đi xe đến quán Internet D ở tổ dân phố 8, thị trấn H chơi điện tử, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày T đưa xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ K ở xóm 3, xã P, huyện H cầm cố cho anh Nguyễn Đình M lấy 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Khi biết T cầm cố xe mô tô, anh N đã nhiều lần tìm T yêu cầu trả lại xe, nhưng T cố tình lẩn tránh vì bản thân không có khả năng chuộc lại xe trả lại cho anh N. Sau đó anh N đã nhờ chị Phan Thị S trú tại xã X, huyện H đến cửa hàng cầm đồ K chuộc xe mô tô với số tiền 2.050.000 đồng.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện H ngày 17/7/2017 xác định: Xe mô tô DREAM II, màu mận chín, biển kiểm soát 37F2-4029; số khung 0228393, số máy 0228393, trị giá 8.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 27/6/2017 Kiều Viết T cùng bạn là Nguyễn Xuân V, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố 15, thị trấn H và bạn của V là Lê Khắc P, sinh năm 1997 trú tại xóm N, xã V, huyện H đến quán Internet G ở tổ dân phố 8, thị trấn H để chơi điện tử. Một lúc sau thì T bảo V chở mình về

nhà có tý việc, V không đi mà nhờ P lấy xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu trắng xanh, biển kiểm soát 38P1-269.45 của V chở T về nhà. Khoảng 17 giờ cùng ngày khi trên đường quay lại quán Internet G, T nói với P đưa xe mô tô đi cầm cố đến tối sẽ chuộc lại, T đã trao đổi với V rồi, P tưởng thật nên chở T đến nhà anh Phan Tất C ở xóm 2 xã G, huyện H, T đưa xe cầm cố cho C lấy 4.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Khi biết T cầm cố xe mô tô anh V đã nhiều lần yêu cầu T trả lại xe nhưng T cố tình lẩn tránh vì bản thân không có khả năng trả lại tài sản, nên bị hại có đơn trình báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu hồi xe, trả lại cho chủ sở hữu.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H ngày 17/7/2017 xác định: Xe mô tô SIRIUS, màu trắng xanh, biển kiểm soát 38P1-269.45, số khung C6H0EY079360, số máy 5C6H079376, trị giá 7.600.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 38P1 - 269.45, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Xuân V.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Xuân V đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì. Bị hại anh Nguyễn Bảo N yêu cầu bồi thường 2.050.000đ tiền chuộc xe. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Tất C yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000đ.

Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS, ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Kiều Viết T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Kiều Viết T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất. Về bồi thường dân sự bị cáo chấp nhận bồi thường cho anh Nguyễn Bảo N số tiền 2.050.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999: Xử phạt bị cáo Kiều Viết T từ 9 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 584, 585, 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận việc bị cáo Kiều Viết T nhận bồi thường số tiền 2.050.000đ. Bác yêu cầu bồi thường của anh Phan Tất C.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo số tiền 4.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Kiều Viết T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo, người bị hại với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Kiều Viết T đã có 02 lần lạm dụng sự tín nhiệm của chủ sở hữu của tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, gây thiệt hại với tổng số tiền 15.600.000đ. Trong đó, ngày 03/4/2017 chiếm đoạt của anh Nguyễn Bảo N, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn H 01 chiếc xe mô tô trị giá 8.000.000đ và ngày 27/6/2017 chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân V, trú tại tổ dân phố 15, thị trấn H 01 chiếc xe mô tô trị giá 7.600.000đ. Với các hành vi trên của bị cáo thì Cáo trạng của Viện trưởng VKSND huyện H truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tái sản" theo điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có nhân thân xấu, đang phải chịu một tiền sự, trong thời gian ngắn bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các chủ sở hữu để thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội do vậy phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù là hơi nhẹ so với nhân thân cũng hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức hình phạt 15 tháng tù mới đủ nghiêm. Còn các điều, khoản, điểm đề nghị áp dụng khác; tội danh truy tố; biện pháp tư pháp; án phí… là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong vụ án này có Lê Khắc P là người đi cùng bị cáo đến nhà anh Phan Tất C để bị cáo cầm cố xe mô tô của anh V, nhưng giữa P với bị cáo không có sự bàn bạc, trao đổi gì, P không được hưởng lợi gì và khi T đưa xe đi cầm cố thì P lầm tưởng đã được V đồng ý. Do đó, không có căn cứ xử lý Pháp với vai trò là đồng phạm trong vụ án. Còn đối với Nguyễn Đình M, Phan Tất C là những người cầm cố tài sản cho T, nhưng hoàn toàn không biết nguồn gốc tài sản do chiếm đoạt mà có nên không có căn cứ để xử trách nhiệm hình sự đối với M và C.

[7] Các biện pháp tư pháp:

- Về bồi thường thiệt hại:

+ Bị hại anh Nguyễn Xuân V đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Tại phiên tòa bị cáo nhận bồi thường số tiền 2.050.000đ cho người bị hại anh Nguyễn Bảo N. Hội đồng xét xử xét thấy việc bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần áp dụng áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự để chấp nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường này. Còn đối với yêu cầu bồi thường của anh Phan Tất C, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh C cho bị cáo cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác là giao dịch bất hợp pháp, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của anh C.

- Về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Bị cáo T đã hưởng lợi 4.000.000đ từ tiền cầm có xe cho anh Phan Tất C, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền này của bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về trả lại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt: Cơ quan điều tra đã trả lại 03 chiếc xe máy bị cáo đã chiếm đoạt cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định tại khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1999.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST và DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999. Điều 584, 585, 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí.

Tuyên bố bị cáo Kiều Viết T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Về trách nhiệm hình sự:

Xử phạt bị cáo Kiều Viết T 15 tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 08/02/2018 là 01 tháng 21 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Các biện pháp tư pháp:

+ Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Kiều Viết T bồi thường số tiền 2.050.000đ cho anh Nguyễn Bảo N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 257 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo số tiền 4.000.000đ.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.00đ tiền án phí dân sự có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- THA Hình sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Thị Thiện

- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA - VPTA.